

Số: 184/KH-SYT

Quảng Bình, ngày 26 tháng 8 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Xét tuyển viên chức sự nghiệp và viên chức sự nghiệp
tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên tại Trung tâm Y tế
huyện Tuyên Hóa và Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh**
(Hoàn chỉnh sau khi có thẩm định của Sở Nội vụ)

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 ;

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Thông tu 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ;

Thông tư số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y;

Thông tư 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Công văn số 3775/BGDĐT-GDTEX ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTEX ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo;

Quyết định số 19/QĐ-SNV ngày 29/01/2018 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên năm 2018; Quyết định số 10/QĐ-SNV ngày 18/01/2019 của Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ năm 2019; Quyết định số 84/QĐ-SNV ngày 04/5/2019 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh biên chế sự nghiệp năm 2019 của một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công

tác tuyển dụng viên chức;

Kế hoạch số 1234/KH-SYT ngày 27/6/2019 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức sự nghiệp và viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên tại Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa và Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh; Công văn số 991/SNV-CBCCVC ngày 31/7/2019 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2019 của Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa và Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh;

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ tình hình thực hiện biên chế, vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận của Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa và Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh.

Theo đề xuất của Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa tại Tờ trình số 357/TTr-TTYT ngày 20/06/2019 và Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh tại Tờ trình số 390/TT-TTYT ngày 05/6/2019 về việc đăng ký nhu cầu xét tuyển viên chức sự nghiệp và viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng: 23 chỉ tiêu

1.1. Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa: 12 chỉ tiêu

+ Viên chức sự nghiệp: 08 chỉ tiêu

+ Viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động: 04 chỉ tiêu

1.1. Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh: 11 chỉ tiêu

+ Viên chức sự nghiệp: 07 chỉ tiêu

+ Viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động: 04 chỉ tiêu

(Có phụ lục số 1A, 1B đính kèm)

1.3. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần tuyển dụng: 33 vị trí

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển:

(Có biểu phụ lục số 2 đính kèm)

3. Nội dung tuyển dụng

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị đăng ký dự tuyển:

+ Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

+ Từ đủ 18 tuổi trở lên;

+ Có đơn đăng ký dự tuyển;

+ Có lý lịch rõ ràng;

+ Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

+ Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển:

3.1. Thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ theo thời gian quy định tại kế hoạch này.

3.2. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển viên chức nộp tại Sở Y tế sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển. Thành phần hồ sơ như sau:

+ Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định hiện hành;

+ Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

(nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

+ Đối với người dự tuyển đã qua hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hoặc công việc phù hợp với vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng thì nộp bản chứng thực hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

* Lưu ý: Các bản sao văn bản, chứng chỉ, giấy tờ phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ/ thí sinh dự tuyển

- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển một vị trí việc làm.

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Thời gian dự kiến: Quý III và Quý IV năm 2019

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính. Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản chốt thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển qua nhận trực tiếp và đường bưu điện (căn cứ dấu tiếp nhận văn bản đến tại Văn thư Sở Y tế để xác định thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế Quảng Bình.

(Có mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển kèm theo)

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

3.6.1. Vòng 1

Hội đồng xét tuyển kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù

hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

3.6.2. Vòng 2

a) Thực hiện kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.”

3.7. Nội dung ôn tập để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 của kỳ xét tuyển.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Sở Y tế thông báo phải nêu cụ thể thời gian, nội dung ôn tập và địa điểm tổ chức phỏng vấn.

Căn cứ tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng xét tuyển quyết định nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển theo quy định.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn quy định vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP bằng nhau ở chỉ

tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.”

đ) Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức nêu tại điểm a mục này như sau:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

3.9. Hội đồng xét tuyển

- Hội đồng xét tuyển thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

- Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3.10. Các nội dung khác

Thực hiện các nội dung khác của quy trình tuyển dụng viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sau 10 ngày ban hành kế hoạch này nếu Sở Nội vụ không có ý kiến thì Sở Y tế thực hiện đăng tải thông báo tuyển dụng 01 lần trên Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình và Trang thông tin điện tử Sở Y tế Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế và triển khai quy trình tuyển dụng viên chức theo quy định.

2. Thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong thời hạn 30 ngày.

3. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát theo quy định. Hội đồng xét tuyển được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng. Ban Giám sát được sử dụng con dấu của Sở Y tế trong các hoạt động của Ban Giám sát.

4. Hội đồng xét tuyển viên chức triển khai thực hiện xét tuyển đúng kế hoạch đã được phê duyệt theo Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

5. Hội đồng xét tuyển viên chức trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả tuyển dụng sau khi kết thúc công tác phỏng vấn tại vòng 2 theo thời gian quy định.

6. Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa, Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh căn cứ quyết định tuyển dụng của Sở Y tế để thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp và viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa và Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận 

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC 1A:
TÌNH HÌNH BIÊN CHẾ VÀ ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG NINH

(Kèm theo Kế hoạch số 1849/KH-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

PHẦN I. BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP

TT	Tên bộ phận	BCSN được giao	Viên chức hiện có	BCSN chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
1	Các khoa, phòng trực thuộc TTYT huyện Quảng Ninh (không gồm Phòng Dân số)	37	33	04	04	
2	Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh	21	21	0	, 01	01/7/2019 có 01 viên chức nghỉ
3	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Quảng Ninh	86	85	02	02	
3.1	Trạm Y tế xã An Ninh	7	7			
3.2	Trạm Y tế xã Vạn Ninh	6	6			
3.3	Trạm Y tế xã Xuân Ninh	6	6			
3.4	Trạm Y tế xã Tân Ninh	5	4	01	01	
3.5	Trạm Y tế xã Hiền Ninh	6	6			
3.6	Trạm Y tế xã Trường Sơn	6	6			
3.7	Trạm Y tế xã Trường Xuân	5	5			
3.8	Trạm Y tế xã Gia Ninh	6	5	01	01	
3.9	Trạm Y tế xã Võ Ninh	7	8			01/7/2019 có 01 nghỉ hưu
3.10	Trạm Y tế xã Duy Ninh	6	6			
3.11	Trạm Y tế xã Hàm Ninh	5	5			
3.12	Trạm Y tế xã Lương Ninh	6	6			
3.13	Trạm Y tế xã Vĩnh Ninh	5	5			
3.14	Trạm Y tế xã Hải Ninh	5	5			
3.15	Trạm Y tế TT Quán Hàu	5	5			
Tổng		144	138	06	07	0

ĐVT

PHẦN II. BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TỰ BẢO ĐẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN

TT	Tên bộ phận	BCSN hưởng lương tự bảo đảm được giao	Viên chức hưởng lương tự bảo đảm hiện có	BCSN hưởng lương tự bảo đảm chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
1	Các khoa, phòng trực thuộc TTYT huyện Quảng Ninh (không gồm Phòng Dân số)	04	0	04	04	
Tổng		04	0	04	04	

PHỤ LỤC 1B.
TÌNH HÌNH BIÊN CHẾ VÀ ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYÊN HÓA
(Kèm theo Kế hoạch số 1819/KH-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

PHẦN I. BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP

TT	Tên bộ phận	BCSN được giao	Viên chức hiện có	BCSN chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
1	Các khoa, phòng trực thuộc TTYT huyện Tuyên Hóa (không gồm Phòng Dân số)	43	40	3	3	
2	Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa	26	25	1	1	
3	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Tuyên Hóa	110				
3.1	Trạm Y tế xã Kim Hóa	6	5	1	1	
3.2	Trạm Y tế xã Cao Quảng	5	4	1	1	
3.3	Trạm Y tế xã Thạch Hóa	6	5	1	1	
3.4	Trạm Y tế xã Sơn Hóa	6	5	1	1	
3.5	Trạm Y tế thị trấn Đồng Lê	5	5			
3.6	Trạm Y tế xã Lâm Hóa	5	5			
3.7	Trạm Y tế xã Thanh Hóa	6	6			
3.8	Trạm Y tế xã Thanh Thạch	5	5			
3.9	Trạm Y tế xã Hương Hóa	5	5			
3.10	Trạm Y tế xã Lê Hóa	5	5			
3.11	Trạm Y tế xã Thuận Hóa	5	5			
3.12	Trạm Y tế xã Đồng Hóa	5	5			
3.13	Trạm Y tế xã Nam Hóa	5	5			
3.14	Trạm Y tế xã Đức Hóa	6	6			
3.15	Trạm Y tế xã Ngư Hóa	6	6			
3.16	Trạm Y tế xã Mai Hóa	5	5			
3.17	Trạm Y tế xã Phong Hóa	6	6			

3.18	Trạm Y tế xã Tiến Hóa	6	6			
3.19	Trạm Y tế xã Châu Hóa	6	6			
3.20	Trạm Y tế xã Văn Hóa	6	6			
Tổng		179	171	8	8	

PHẦN II. BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TỰ BẢO ĐẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN

TT	Tên bộ phận	BCSN được giao	Viên chức hiện có	BCSN chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Ghi chú
1	Các khoa, phòng trực thuộc TTYT huyện Tuyên Hóa (không gồm Phòng Dân số)	5	1	4	4	
Tổng		5	1	4	4	

leo

**PHỤC LỤC 2: TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP VÀ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TỰ BẢO ĐẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN
THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG NINH VÀ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYỀN HÓA**

(Kèm theo Kế hoạch số 1849/KH-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
A	CÁC VỊ TRÍ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG NINH					
I	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP					
X.1	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III), V.08.02.06	1	Phụ trách công tác kế hoạch tổng hợp	Đại học, ngành Bác sĩ Y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.2	Kỹ sư (hạng III), V.05.02.07	1	Phụ trách công tác ATVSTP tại khoa YTCC	Đại học, ngành Công nghệ thực phẩm hoặc Công nghệ sau thu hoạch	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.3	Viên chức hành chính, 01.003	1	Thực hiện công tác hành chính – tổng hợp	Đại học, ngành Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.4	Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03	1	Phòng Khám đa khoa	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.5	Dân số viên hạng IV, V.08.10.29	1	Viên chức dân số tại xã Vĩnh Ninh	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành dân số - y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.6	Y sĩ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sĩ Trạm Y tế xã Tân Ninh	Trung cấp, ngành Y sĩ	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.7	Dược hạng IV, V.08.08.23	1	Dược sĩ Trạm Y tế xã Gia Ninh	Trung cấp trở lên, ngành Dược	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
II VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TỰ BẢO ĐẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN						
X.8	Y sĩ hạng IV, V.08.03.07	1	Phụ trách công tác phòng chống lao tại khoa Kiểm soát bệnh tật	Trung cấp, ngành Y sĩ	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.9	Kế toán viên, 06.031	1	Thu viện phí tại Phòng khám đa khoa	Đại học, ngành Kế toán	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.10	Y sĩ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sĩ Phòng khám đa khoa	Trung cấp, ngành Y sĩ	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.11	Văn thư, 02.007	1	Phụ trách công tác văn thư tại Trung tâm	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
B	CÁC VỊ TRÍ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYỂN HÓA					
I	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP					
X.12	Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III), V.08.02.06	1	Chương trình phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết thuộc Khoa Kiểm soát bệnh tật	Đại học, ngành Bác sỹ Y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.13	Dược sỹ hạng III, V.08.08.22	1	Quản lý dược thuộc Khoa Cận lâm sàng – Dược	Đại học, ngành Dược	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.14	Dân số viên hạng III, V.08.10.28	1	Công tác Dân số thuộc xã Thanh Thạch	Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành y tế công cộng, học định hướng dân số.- kế hoạch hóa gia đình trong phần kiến thức bổ trợ; nếu có trình độ đại học trở lên là chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số.	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.15	Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03 [Hoặc Y sỹ hạng IV, V.08.03.07 nếu không có Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03]	1	Khám chữa bệnh tại Trạm Y tế xã Kim Hóa	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa (hoặc Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa nếu không có bác sỹ đa khoa)	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên đối với bác sỹ. Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên đối với Y sỹ	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên đối với bác sỹ; Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên đối với Y sỹ
X.16	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	1	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Thạch Hóa	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.17	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Trạm Y tế xã Cao Quảng	Trung cấp, ngành Y sỹ YHCT hoặc Y sỹ đa khoa có chứng chỉ YHCT	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.18	Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13	1	Điều dưỡng Phòng khám đa khoa	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
X.19	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ Trạm Y tế xã Sơn Hóa	Trung cấp, ngành Y sỹ	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên
II VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TỰ BẢO ĐẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN						
X.20	Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III), V.08.02.06	01	Chương trình vệ sinh môi trường, chất thải y tế thuộc Khoa Y tế công cộng	Đại học, ngành bác sỹ Y học dự phòng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.21	Viên chức hành chính, 01.003	01	Tham mưu công tác cán bộ thuộc Phòng Hành chính - Tổng hợp	Đại học, ngành Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.22	Kỹ thuật Y hạng III, V.08.07.18	01	Thực hiện công tác xét nghiệm thuộc Khoa Cận lâm sàng - Dược	Đại học, ngành xét nghiệm y học	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc tương đương trở lên
X.23	Y sỹ hạng IV, V.08.03.07	1	Y sỹ cơ sở điều trị Methadone	Trung cấp, ngành Y sỹ	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên

(Gồm 23 chỉ tiêu/23 vị trí việc làm)

PHỤ LỤC 3A. BÁO CÁO CƠ CẤU CHỨC DANH CÁC TRẠM Y TẾ XÃ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG NINH

(Kèm theo Kế hoạch số 144/KH-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Tên Trạm y tế	Cơ cấu chức danh								Ghi chú
		Bác sỹ			Y sỹ		Hộ sinh	Điều dưỡng	Dược	
		Đa khoa	YHCT	YHDP	Đa khoa	YHCT				
1	Trạm Y tế xã An Ninh	1			1	1	2	1	1	
2	Trạm Y tế xã Vạn Ninh	1	1		1		1	1	1	
3	Trạm Y tế xã Xuân Ninh		1		1		1	2	1	
4	Trạm Y tế xã Tân Ninh	1				1	1	1		01 điều dưỡng có chứng chỉ dược tá
5	Trạm Y tế xã Hiền Ninh	1	1		1		2		1	
6	Trạm Y tế xã Trường Sơn	1				1	1	2	1	
7	Trạm Y tế xã Trường Xuân	1				1	1	1	1	
8	Trạm Y tế xã Gia Ninh		1		1		1	2		
9	Trạm Y tế xã Võ Ninh	1			1	1	1	2	2	01/7/2019 có 01 Dược sỹ nghỉ hưu
10	Trạm Y tế xã Duy Ninh	1				1	1	2	1	
11	Trạm Y tế xã Hàm Ninh	1	1		1		1		1	
12	Trạm Y tế xã Lương Ninh	1			1	1	1	1	1	
13	Trạm Y tế xã Vĩnh Ninh	1				1	2		1	
14	Trạm Y tế xã Hải Ninh	1			1	1	1		1	
15	Trạm Y tế TT Quán Hàu	1				1	1	1	1	
Cộng		13	5		9	10	18	16	14	

Được

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3B: CƠ CẤU CHỨC DANH CÁC TRẠM Y TẾ XÃ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYỀN HÓA

(Kèm theo Kế hoạch số: 124 /KH-SYT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Tên Trạm y tế	Cơ cấu chức danh								Ghi chú
		Bác sỹ			Y sỹ		Hộ sinh	Điều dưỡng	Được	
		Đa khoa	YHCT	YHDP	Đa khoa	YHCT và YS đa khoa có chứng chỉ YHCT				
1	Trạm Y tế xã Lâm Hóa	1				1	1	1	1	
2	Trạm Y tế xã Thanh Thạch	1				1	1	1	1	
3	Trạm Y tế xã Thanh Hóa	1			1	1	1	1	1	
4	Trạm Y tế xã Hương Hóa	1				1	1	1	1	
5	Trạm Y tế xã Kim Hóa		1		1		1	1	1	
6	Trạm Y tế xã Thuận Hóa		1		1		1	1	1	
7	Trạm Y tế xã Lê Hóa	1				1	1	/	1	
8	Trạm Y tế xã Đức Hóa	1				1	1	2	1	
9	Trạm Y tế xã Sơn Hóa	1				1	1	1	1	
10	Trạm Y tế xã Nam Hóa	1				1	1	1	1	

ĐCV

11	Trạm Y tế xã Đồng Hóa		1		1		1	1	1	
12	Trạm Y tế xã Thạch Hóa	1				1	1	1	1	
13	Trạm Y tế thị trấn Đồng Lê	1				1	1	1	1	
14	Trạm Y tế xã Phong Hóa	1			1	1	1	1	1	
15	Trạm Y tế xã Ngư Hóa	1	1		1		1	1	1	
16	Trạm Y tế xã Cao Quảng	1					1	1	1	
17	Trạm Y tế xã Mai Hóa	1				1	1	1	1	
18	Trạm Y tế xã Châu Hóa	1				1	1	2	1	
19	Trạm Y tế xã Tiến Hóa	1			1	1	1	1	1	
20	Trạm Y tế xã Văn Hóa	1			1	1	1	1	1	
Cộng		17	4		6	17	20	22	20	

**PHỤ LỤC 4A. BÁO CÁO CƠ CẤU CHỨC DANH, CƠ CẤU BỘ PHẬN
TẠI CÁC KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG NINH
(Không bao gồm Phòng Dân số)**

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định tại Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau tuyển dụng
A	Cơ cấu bộ phận			
1	Chuyên môn	60-65%	58,5%	65%
2	Xét nghiệm - CLS - Dược	20%	9,8%	12,2%
3	Quản lý, hành chính	15-20%	12,0%	19,5%
B	Cơ cấu chuyên môn			
1	Bác sỹ	$\geq 20\%$	19%	21,0%
2	Xét nghiệm	$\geq 10\%$	9,80%	10%

**PHỤ LỤC 4B. BÁO CÁO CƠ CẤU CHỨC DANH, CƠ CẤU BỘ PHẬN
TẠI CÁC KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYỀN HÓA
(Không bao gồm Phòng Dân số)**

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định tại Thông tư 08/2007/ TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau tuyển dụng
A	Cơ cấu bộ phận			
1	Chuyên môn	60 - 65%	63,04%	64,90%
2	Xét nghiệm - CLS - Dược	20%	17,39 %	18,51%
3	Quản lý, hành chính	15 - 20%	15,21%	16,65%
B	Cơ cấu chuyên môn			
1	Bác sỹ	$\geq 20\%$	20%	20,37%
2	Xét nghiệm	$\geq 10\%$	8,9%	9,25%

de

**PHỤ LỤC 5A. TÌNH HÌNH VỀ PHÂN BỐ VIÊN CHỨC DÂN SỐ TẠI
PHÒNG DÂN SỐ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN QUẢNG NINH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 124/KH-SYT ngày tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Vị trí việc làm	Biên chế được giao	Viên chức hiện có	Biên chế chưa tuyển dụng	Ghi chú
1	Viên chức dân số của Phòng Dân số làm việc tại Trung tâm	6	6	0	
2	Viên chức dân số của Phòng Dân số làm việc tại các xã, thị trấn	15	15	0	
2.1	Xã An Ninh	1	1	0	
2.2	Xã Vạn Ninh	1	1	0	
2.3	Xã Xuân Ninh	1	1	0	
2.4	Xã Tân Ninh	1	1	0	
2.5	Xã Hiền Ninh	1	1	0	
2.6	Xã Trường Sơn	1	1	0	
2.7	Xã Trường Xuân	1	1	0	
2.8	Xã Gia Ninh	1	1	0	
2.9	Xã Võ Ninh	1	1	0	
2.10	Xã Duy Ninh	1	1	0	
2.11	Xã Hàm Ninh	1	1	0	
2.12	Xã Lương Ninh	1	1	0	
2.13	Xã Vĩnh Ninh	1	1	0	01/7/2019 có 01 viên chức nghỉ hưu
2.14	Xã Hải Ninh	1	1	0	
2.15	Trạm Y tế TT Quán Hàu	1	1	0	
Tổng		21	21	0	

ĐKT

Ed3xCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

(Dán ảnh 4x6)
(3)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....	Nam ☐ Nữ ☐
Ngày, tháng, năm sinh:.....	
Dân tộc:..... Tôn giáo:.....	
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân..... Ngày cấp:.....	
Nơi cấp:.....	
Số điện thoại di động để báo tin:.....	
Email:.....	
Quê quán:.....	
Hộ khẩu thường trú:.....	
Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....	
Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg	
Thành phần bản thân hiện nay:.....	
Trình độ văn hóa:.....	
Trình độ chuyên môn:	
Loại hình đào tạo:.....	

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.

**PHỤ LỤC 5B. TÌNH HÌNH VỀ PHÂN BỐ VIÊN CHỨC DÂN SỐ TẠI PHÒNG DÂN SỐ
THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYẾN HÓA**

(Kèm theo Kế hoạch số 187/KH-SYT ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Vị trí việc làm	Biên chế được giao	Viên chức hiện có	Biên chế chưa tuyển dụng	Ghi chú
1	Viên chức dân số của Phòng Dân số làm việc tại Trung tâm	6	6		
2	Viên chức dân số của Phòng Dân số làm việc tại các xã, thị trấn	20	19	1	
2.1	Xã Thanh Thạch	1	0	1	
2.2	Xã Lâm Hóa	1	1		
2.3	Xã Thanh Hóa	1	1		
2.4	Thị trấn Đồng Lê	1	1		
2.5	Xã Hương Hóa	1	1		
2.6	Xã Kim Hóa	1	1		
2.7	Xã Lê Hóa	1	1		
2.8	Xã Thuận Hóa	1	1		
2.9	Xã Sơn Hóa	1	1		
2.10	Xã Đồng Hóa	1	1		
2.11	Xã Nam Hóa	1	1		
2.12	Xã Thạch Hóa	1	1		
2.13	Xã Đức Hóa	1	1		
2.14	Xã Phong Hóa	1	1		
2.15	Xã Mai Hóa	1	1		
2.16	Xã Ngư Hóa	1	1		
2.17	Xã Châu Hóa	1	1		
2.18	Xã Cao Quảng	1	1		
2.19	Xã Tiến Hóa	1	1		
2.20	Xã Văn Hóa	1	1		
Tổng		26	25	1	